

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BÈ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 28 tháng 12 năm 2023.
“ *V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Hùng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Xuân Trường
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Bào Kim Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 61/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Mừng Thị L**, sinh năm 1990. Trú tại: **Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Có mặt.

- Bị đơn: **Anh Vi Văn A** sinh năm 1990. Trú tại: **Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại **Đội 10, phân trại 6 - K6 Trại giam P, tỉnh Thái Nguyên**. (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Mừng Thị L** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh **Vi Văn A** xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn** vào năm 2009. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn,

không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình và nhiều vấn đề khác, bản thân anh **Vi Văn A** luôn vi phạm pháp luật và đến năm 2019 anh **Vi Văn A** bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể xử phạt 06 năm 06 tháng tù và hiện nay anh **Vi Văn A** đang đi chấp hành án phạt tù tại **Trại giam P, tỉnh Thái Nguyên**. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, nên xin được ly hôn với anh **Vi Văn Anh**.

Về con chung: Hai vợ chồng tôi có hai con chung tên là **Vi Bảo U**, sinh ngày 17/4/2009 và **Vy Bảo C**, sinh ngày 20/12/2014, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay đang sống cùng gia đình nhà chồng tại **Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh **Vi Văn A** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Mùng Thị L** xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Vi Văn A** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị **Mùng Thị L** xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn** vào năm 2009. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống tại **thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2015 tôi phải đi chấp hành do vi phạm pháp luật với thời hạn 07 tháng, năm 2016 tôi lại đi chấp hành án với thời hạn 18 tháng và đến năm 2019 tôi lại đi chấp hành án phạt tù 06 năm 06 tháng tù và hiện nay tôi đang đi chấp hành án phạt tù tại **Trại giam P, tỉnh Thái Nguyên**. Quá trình sống chung vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nay chị **Mùng Thị L** xin ly hôn với tôi, tôi không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Hai vợ chồng tôi có hai con chung tên là **Vi Bảo U**, sinh ngày 17/4/2009 và **Vy Bảo C**, sinh ngày 20/12/2014, con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường, hiện nay đang sống cùng gia đình tôi tại **Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Tôi không nhất trí giao cả 2 con chung cho chị **Mùng Thị L** nuôi dưỡng, mà đề nghị giao cho người nhà của tôi nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập các tài liệu liên quan đến việc xin ly hôn của chị **Mùng Thị L**, biên bản xác minh quá trình sinh sống của hai vợ chồng về mặt tình cảm, lý do xin ly hôn và các mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của cả hai vợ chồng, điều kiện kinh tế và hoàn cảnh gia đình của hai bên đương sự tại địa phương và Tòa án nhân dân huyện Ba Bể đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu như lời khai, nên Tòa án tiến hành lập biên bản hòa giải không thành và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị **Mùng Thị L** vẫn giữ nguyên yêu cầu được Ly hôn với anh **Vi Văn A** và yêu cầu được nuôi con chung.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **Mùng Thị L**.

- Về quan hệ hôn nhân cho chị **Mùng Thị L** được ly hôn với anh **Vi Văn Anh**.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là **Vi Bảo U**, sinh ngày 17/4/2009 và **Vy Bảo C**, sinh ngày 20/12/2014 cho chị **Mùng Thị L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Mùng Thị L** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị **Mùng Thị L** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, nuôi con chung khi Ly hôn, nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại **thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại **trại giam P, tỉnh Thái Nguyên** và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, do vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Mùng Thị L** và anh **Vi Văn A** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn** vào ngày 27/5/2009 nên xác định hôn nhân của hai anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, giữa chị **L** và anh **A** có xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2015 cho đến nay anh **A** luôn vi phạm pháp luật và đi chấp hành án không ở nhà, chị **L** cũng

vẫn thường xuyên đi thăm động viên và khuyên bảo anh A nhưng anh A vẫn không thay đổi đến năm 2019 anh A tiếp tục vi phạm pháp luật, nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Mừng Thị L và anh Vi Văn A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Mừng Thị L là phù hợp với Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Mừng Thị L và anh Vi Văn A có 02 con chung tên là Vi Bảo U, sinh ngày 17/4/2009 và Vy Bảo C, sinh ngày 20/12/2014. Con chung khỏe mạnh, phát triển bình thường và hiện nay các cháu đang ở cùng với gia đình nhà chồng tại thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Hội đồng xét xử xét thấy anh Vi Văn A hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam P, tỉnh Thái Nguyên nên không thể nuôi dưỡng các con, do vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, thấy rằng yêu cầu của chị Mừng Thị L là phù hợp với quy định của pháp luật, đồng thời phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

Chị Mừng Thị L không yêu cầu anh Vi Văn A cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Mừng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Mừng Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 208; Khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228/Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị Mừng Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mừng Thị L được ly hôn với anh Vi Văn Anh .

- Về con chung: Giao các con chung là Vi Bảo U, sinh ngày 17/4/2009 và Vy Bảo C, sinh ngày 20/12/2014 cho chị Mừng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Mừng Thị L không yêu cầu anh Vi Văn A cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **Vi Văn A** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Mùng Thị L** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chị **Mùng Thị L** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị **Mùng Thị L** đã nộp theo biên lai số: 0001196 ngày 09/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị **Mùng Thị L** đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- Các đương sự;
- UBND xã Địa Linh;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Hùng